

Bản án số: 03/2017/DS-ST

Ngày 28/7/2017

*V/v tranh chấp kiện chia thừa kế và yêu
cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 18/2016/TLST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2016 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Xuân C, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Bà Chu Thị Thanh Ch (Chu Thanh Ch), sinh năm 1972 (Có mặt);

2- Anh Vũ Anh Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

3- Anh Vũ Anh Ch, sinh năm 1996 (Có mặt);

4- Bà Vũ Thị D, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

5- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

6- Cháu Vũ Quỳnh Tr, sinh năm 2010. Người đại diện hợp pháp của cháu Vũ Quỳnh Tr là anh Vũ Anh Q, sinh năm 1990 (Anh Q là bố đẻ cháu Tr);

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Anh Q và anh Vũ Anh Ch là ông Vũ Xuân C, sinh năm 1970.

7- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1949 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ng Thôn, xã K, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

8 - Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 60, phường Y, thành phố Pleiku, Gia Lai.

9 - Anh Vũ Thành Tr, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 42A, phường Đ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

10- Chị Vũ Thị Minh Th, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 05, thị trấn S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

11 - Anh Vũ Thành K, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Hẻm 03, tổ 1 phường Y, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

12- Bà Cán Thị Ch, sinh năm 1954 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, phường Y, thành phố Pleiku, Gia Lai

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Thành Tr, chị Vũ Thị Minh Th và anh Vũ Thành K là bà Cán Thị Ch (Mẹ đẻ).

13- Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

14- Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất

Trụ sở: Thị trấn L, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức Ng – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị H – Chuyên viên (Vắng mặt).

- Những người làm chứng:

1. Ông Vũ Xuân Th, sinh năm 1943 (Vắng mặt);

2. Anh Vũ Văn Ph (H), sinh năm 1965 (Vắng mặt);

3. Anh Vũ Xuân V (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2014 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Vũ Xuân H trình bày: Bố, mẹ của ông là cụ Vũ Văn L và cụ Cán Thị K. Cụ L chết ngày 02/02/2011, cụ K chết ngày 01/8/2012. Cụ L và cụ K có 07 người con, gồm:

1- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1949.

2- Ông Vũ Thành Th, sinh năm 1951, ông Th chết ngày 14/4/2011. Ông Th có vợ là bà Cán Thị Ch và có ba con là Vũ Thành Tr, Vũ Thị Minh Th, Vũ Thành K.

3- Bà Vũ Thị D, sinh năm 1960.

4- Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1963.

5- Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1967.

6- Ông Vũ Xuân C, sinh năm 1970.

7- Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1973.

Nguồn gốc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 3 lập năm 2001, diện tích 370m². Địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, Hà Nội là của cụ Vũ Văn L và cụ

Cần Thị K. Năm 2002 UBND huyện Thạch Thất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Vũ Xuân C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 176703, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019/QSĐĐ/399 QĐ-UB-H ngày 09/5/2002. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4, tường xây đá ong, khung mái tre, lợp ngói để ở. Nhà công trỡnh phụ và tường bao xây bằng đá ong. Năm 2001, vợ chồng ông Vũ Xuân C được cụ L và cụ K đồng ý cho xây dựng một ngôi nhà mái bằng và các công trỡnh phụ trên thửa đất số 152 để ở. Năm 2011, sau khi cụ L chết thì ông C đó phá dỡ toàn bộ nhà cũ của bố mẹ, hiện nay chỉ còn phần tường hậu nhà trên và tường bao đá ong. Trước khi chết, cụ L và cụ K không để lại di chúc phân chia đất nhà cho các con.

Năm 2002, ông C tự ý đi kê khai và được UBND huyện Thạch Thất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 152 của bố mẹ. Năm 2014, ông và anh em trong nhà yêu cầu ông C cắt trả cho vợ và các con của ông Vũ Thành Th một phần thửa đất để làm nhà thờ cúng tổ tiên và làm chỗ ở những khi có công việc về quê, vì ông Th là con trai trưởng, nhưng ông C không đồng ý. Ông xác định di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại chỉ có thửa đất số 152, tờ bản đồ số 3 lập năm 2001, diện tích 370m², ngoài ra không còn di sản nào khác. Ông đề nghị Toà án công nhận thửa đất số 152 là di sản thừa kế của cụ L và cụ K, đồng thời yêu cầu hủy việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T176703 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019/QSĐĐ/399QĐ-UB-H ngày 09/5/2002 của UBND huyện Thạch Thất cấp cho hộ ông Vũ Xuân C để chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 152 cho các con của cụ Vũ Văn L và cụ Cần Thị K theo pháp luật. Ông xin được nhận di sản bằng đất.

Quá trỡnh tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại toà án bị đơn ông C có xuất trỡnh một “Giấy chia đất nhà ở” lập ngày 06/01/1996, và “01 bản ghi chúc” không ghi ngày, tháng, năm ông Cường xác định 02 giấy này do cụ Lương, cụ Kỷ lập. Ông khẳng định giấy chia đất này do ông C lập giả tạo, không phải ý chí của cụ L và cụ K, vì trong giấy này thể hiện ông trực tiếp tham gia lập giấy, nhưng ông và các anh chị em của ông không ai được biết về giấy chia đất này. Chữ ký trong giấy chia đất này không phải chữ ký của ông.

Trước đây, vợ chồng ông C sống chung với cụ L và cụ K nhưng cụ L và cụ K ăn riêng. Năm 1999, cụ K bị bệnh tai biến nên chuyển về sống chung với ông. Năm 2011, cụ L chết được anh em tổ chức lễ tang tại nhà ông C. Năm 2012, cụ K chết tổ chức lễ tang tại nhà ông. Việc chăm sóc bố mẹ lúc bệnh tật và mai táng khi chết đều do ông và ông C, vợ chồng bà Ch cùng nhau đóng góp chi phí. Khi giải quyết chia thừa kế, ông không đề nghị Toà án giải quyết việc chi phí mai táng của bố mẹ.

Quá trỡnh tham gia tố tụng tại toà án bị đơn ông Vũ Xuân C trỡnh bày: Về họ tên, ngày chết và các con của cụ Vũ Văn L và cụ Cần Thị K như ông H trỡnh bày là đúng, ông không bổ sung gì. Về nguồn gốc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03, diện tích 370m² là của bố mẹ ông cụ L và cụ K. Ngày 06/01/1996, cụ L và cụ K có tổ chức họp anh em nội tộc để chia cho ông một phần thửa đất số 152 có diện tích 205m² về phía giáp đường làng, phần đất còn lại diện tích 165m² về phía giáp đường ngõ, trên đất có ngôi nhà cấp 4, tường xây đá ong, khung mái tre, lợp ngói do cụ L và cụ K quản lý sử dụng.

Năm 2000, UBND xã K tổ chức đo đạc đất đai nên ông đứng kê khai đo đạc toàn bộ thửa đất. Ngày 01/9/2001, ông ủy quyền cho vợ ông (Bà Vũ Thị Ch) làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Cũng năm 2001, ông có xây một nhà mái bằng trên phần đất được bố mẹ chia để ở. Năm 2002, cụ L và cụ K đã đồng ý cho vợ chồng ông được sử dụng toàn bộ thửa đất số 152 và được UBND huyện Thạch Thất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T176703 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019/QSDĐ/399QĐ-UB-H ngày 09/5/2002. Thời điểm đó cụ L và cụ K đứng riêng sổ hộ khẩu, vợ chồng ông và các con có sổ hộ khẩu riêng.

Việc giao cho vợ chồng ông kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ L cũng chỉ nói miệng, không có văn bản. Năm 2011 sau khi cụ L chết, do nhà cấp bốn của bố mẹ bị hỏng nên ông dỡ bỏ, hiện nay còn lại tường hậu và tường bao xây bằng đá ong. Khi bố mẹ chết không để lại di chúc. Năm 2014, bà Ch về yêu cầu ông cắt trả 165m² đất ở vị trí ngôi nhà cấp bốn trước đây của bố mẹ để bà Ch làm nhà, ông đồng ý cắt cho 80m² nhưng bà Ch không nhận. Nay ông H kiện đề nghị toà án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T176703 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019/QSDĐ/399QĐ-UB-H ngày 09/5/2002 của UBND huyện Thạch Thất để chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 152 cho các con của cụ Vũ Văn L và cụ Cấn Thị K theo pháp luật thì ông không đồng ý. Khi Toà án giải quyết chia thừa kế di sản của cụ L và cụ K thì vợ chồng ông không yêu cầu giải quyết công sức trông nuôi bố mẹ lúc bị bệnh, chi phí mai táng cho bố mẹ và công duy trì tài sản của bố mẹ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị Thanh Ch, anh Vũ Anh Q và anh Vũ Anh Ch đều đồng ý với lời khai và yêu cầu trên của ông C.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị D và bà Vũ Thị Nh trình bày: Các bà là con gái của cụ Vũ Văn L và cụ Cấn Thị K. Về ngày chết và các con của cụ L và cụ K, cũng như nguồn gốc thửa đất số 152 ở thôn B, xã K như ông H và ông C trình bày là đúng, các bà không bổ sung gì nữa. Trước đây các bà có nghe nói năm 2001 cụ L và cụ K có đồng ý cho ông C làm nhà mái bằng trên một phần diện tích thửa đất số 152 để ở. Khi còn sống, cụ L thường xuyên sống chung nhà với ông C, còn cụ K sống chung với ông H. Khi bố mẹ ốm đau thì anh em cùng trông nom. Cụ L chết được tổ chức làm lễ tang tại nhà ông C, cụ K chết làm lễ tang tại nhà ông H. Việc chi phí mai táng đều do vợ chồng ông Th, ông H và ông C chi phí, chị em gái các bà chỉ đóng góp một phần rất nhỏ. Nay xảy ra tranh chấp thừa kế tài sản là thửa đất số 152 của bố mẹ, quan điểm của các bà mong ông H, bà Ch và ông C giải quyết tình cảm với nhau, nếu hoà giải được thì các bà không yêu cầu hưởng quyền lợi gì. Trường hợp không hoà giải được mà đủ căn cứ để chia thừa kế đất của bố mẹ theo pháp luật thì phần của bà D được hưởng bà D cho ông C 2/3 và ông H 1/3. Phần của bà Nh được hưởng thì bà Nh cho ông C toàn bộ.

Tại văn bản ngày 10/5/2016, bà Vũ Thị H trình bày: Bà là con gái đầu của cụ Vũ Văn L và cụ Cấn Thị K. Về ngày chết của cụ L, cụ K và các con của cụ L và cụ K, cũng như nguồn gốc thửa đất số 152 ở thôn B, xã K như ông H và ông C trình bày là đúng, bà không bổ sung gì nữa. Trước đây trên thửa đất số 152, cụ L và cụ K có làm 05 gian nhà cấp 4, tường xây bằng đá ong, khung tre, mái lợp ngói. Sau khi cụ L chết, do nhà bị hỏng nên ông C đã dỡ bỏ, hiện nay chỉ còn lại

tường hậu nhà trên và tường bao xây bằng đá ong. Khi cụ L và cụ K chết có để lại di chúc hay không thì bà không biết. Khi còn sống, cụ L có nói với bà cho ông C toàn bộ thửa đất số 152. Nay ông H và các con ông Th yêu cầu ông C chia đất để lấy chỗ làm nhà thờ cúng tổ tiên, ông C có đồng ý cắt cho các con ông Th 80m² đất vào vị trí xây ngôi nhà trên của cụ L trước đây, nhưng ông H và các con ông Th không đồng ý. Ông H khởi kiện chia thừa kế thừa đất số 152 của cụ L và cụ K theo pháp luật. Quan điểm của bà nếu ông H, các con ông Th và vợ chồng ông C tự thỏa thuận phân chia được với nhau thì bà không yêu cầu gì về quyền lợi. Trường hợp không thỏa thuận được mà phải chia tài sản của bố mẹ theo pháp luật thì suất của bà được hưởng bà cho ông C toàn bộ.

Tại văn bản ngày 20/6/2016 và các văn bản tiếp theo, bà Vũ Thị H1 trình bày: Bà là con gái của cụ Vũ Văn L và cụ Cấn Thị K. Về nguồn gốc thửa đất số 152 có từ đâu thì bà không biết. Khi bà lớn lên bố mẹ đó sinh sống trên thửa đất này. Do bà sinh sống ở tỉnh Gia Lai nên không biết khi chết bố mẹ có để lại di chúc phân chia đất đai không. Chưa lần nào bà về họp gia đình thảo luận về phân chia tài sản hay bố mẹ có để lại giấy tờ chia tài sản cho các con. Nếu đủ căn cứ để chia thừa kế của bố mẹ là thửa đất số 152 theo pháp luật thì bà không nhận di sản mà đề nghị Tòa án chia đều cho 6 anh chị em còn lại của bà.

Anh Vũ Thành Tr, chị Vũ Thị Minh Th và anh Vũ Thành K trình bày: Các anh, chị là con của ông Vũ Thành Th và bà Cấn Thị Ch. Về nguồn gốc thửa đất số 152 ở thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, Hà Nội thì các anh, chị không biết. Các anh, chị cũng không biết khi chết cụ Vũ Văn L và cụ Cấn Thị K có để lại di chúc hay không. Nay ông H khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ L và cụ K là thửa đất số 152 thì các anh, chị ủy quyền cho bà Cấn Thị Ch đại diện giải quyết vụ án và nhận phân di sản mà các anh, chị được hưởng.

Bà Cấn Thị Ch là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Thành Tr, chị Vũ Thị Minh Th và anh Vũ Thành K, trình bày: Bà là vợ của ông Vũ Thành Th, bà đồng ý với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân H. Bà kết hôn với ông Th tháng 10 năm 1971. Sau cưới bà về sống chung với ông Th và cụ L, cụ K tại đất nhà thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 3, diện tích 370m² ở thôn B, xã K. Đến năm 1973, khi bà sinh anh Tr thì ông Th đi bộ đội vào Miền Nam tham gia chiến đấu. Đến năm 1976, cụ L và cụ K cho mẹ con bà ăn riêng nhưng vẫn sống chung nhà. Đến năm 1985, ông Th về đón bà và các con vào tỉnh Gia Lai sinh sống cho đến nay.

Trước đây cụ L và cụ K có một ngôi nhà trên 05 gian khung tre, tường xây đá ong, mái lợp ngói, công trình phụ và tường bao đá ong xây quanh thửa đất. Khi chết cụ L và cụ K không để lại di chúc. Năm 2011, sau khi cụ L chết thì ông C đã dỡ bỏ toàn bộ nhà cũ của bố mẹ, hiện nay chỉ còn lại tường hậu nhà trên xây bằng đá ong và tường bao xung quanh đất bằng đá ong. Năm 1985 sau khi bà vào Gia Lai sinh sống, ở quê còn lại cụ L, cụ K, ông H, ông C, bà D, bà Nh sống cùng nhau. Sau này các cô con gái đi lấy chồng, ông H lấy vợ được nhà nước cấp đất giãn dân ở riêng, còn ông C sống với bố mẹ. Sau khi ông C lấy vợ thì vợ chồng ông C ăn riêng nhưng sống chung nhà với bố mẹ. Đến năm 2001 ông C làm một nhà mái bằng, sau đó làm tiếp các công trình phụ trên thửa đất số 152 mà hiện nay ông C đang sử dụng. Năm 2011 cụ L ốm nặng, vợ chồng bà có về chăm sóc nuôi dưỡng 01 tháng 20 ngày thì cụ L chết. Sau khi cụ L chết được anh

em tổ chức tang lễ tại nhà ông C. Việc chi phí lo mai táng cho cụ L là do vợ chồng bà đứng ra chi phí vì lúc này ông Th còn sống, lại là con trai trưởng.

Năm 2000 cụ K bị bệnh tai biến nên được ông H đón về nhà ông H nuôi dưỡng. Sống ở nhà ông H được vài năm thì cụ K lại về sống với ông C. Đến năm 2007 cụ K bị bệnh nặng hơn nên ông H lại đón về nhà ông H chăm sóc và đến năm 2012 thì cụ K chết. Trước khi cụ K chết thì bà có về chăm sóc cụ K được 12 ngày. Khi cụ K chết thì anh em tổ chức tang lễ tại nhà ông H. Quá trình sống, những lần cụ L và cụ K bị bệnh đi viện thì đều do vợ chồng bà gửi tiền về cho ông C và ông H chi phí. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông C chia tài sản thừa kế của cụ L và cụ K là Quyền sử dụng thửa đất số 152 theo pháp luật. Do điều kiện công tác xa quê, các con bà không về tham gia giải quyết vụ án được, các con bà ủy quyền cho bà đại diện giải quyết vụ án và nhận di sản. Bà đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ L và cụ K là quyền sử dụng thửa đất số 152 theo pháp luật. Phần của các con bà được hưởng bao nhiêu xin được nhận bằng đất để lấy chỗ làm nhà sau này cho các con bà về thờ cúng tổ tiên vì chồng bà là con trưởng trong gia đình. Khi phân chia thửa đất số 152, bà đề nghị Tòa án chia theo chiều mặt đường chính của làng, nếu phần đất các con bà được hưởng có dính phần nhà do ông C xây dựng mà ông C không phá dỡ thì gia đình bà xin trích trả bằng tiền cho ông C. Bà không đề nghị Tòa án giải quyết công sức trông nuôi cụ L, cụ K lúc bị bệnh, chi phí mai táng cho cụ L, cụ K và công duy trì tài sản của cụ L, cụ K.

Chị Ph trình bày: Chị là vợ anh Ch, là con dâu ông C, bà Ch. Năm 2016 sau khi kết hôn với anh Ch thì chị chung sống cùng anh Ch, ông C bà Ch trên thửa đất này. Nay ông H khởi kiện chia thừa kế thửa đất này chị không có liên quan gì. Do điều kiện công việc chị không tham gia tố tụng tại Tòa án được chị đề nghị giải quyết vắng mặt chị.

Bà Đình Thị H là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Thạch Thất trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 152, tờ 03, diện tích 370m² bản đồ năm 2001 xã K, chủ sử dụng đứng tên trong sổ mục kê là ông Vũ Văn C. Nguồn gốc đất do ông cha để lại từ trước năm 1980. Theo bản đồ năm 1986, tờ 2 là thửa 190, diện tích 354m², loại đất T, sổ mục kê đứng tên ông Vũ Văn L (bố đẻ ông Vũ Văn C).

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 hộ ông Vũ Xuân C: Kết quả xác minh với UBND xã K và Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSD) đất xã K thời điểm năm 2000-2002 cho thấy: Năm 2000 tổ chức đo đạc bản đồ địa chính, năm 2001 thực hiện chủ trương của UBND huyện, UBND xã K tiến hành tổ chức xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân xã K, trong đó có các hộ dân thôn B. Quy trình kê khai và cấp GCNQSD đất cho các hộ dân: Trên cơ sở chỉ đạo của UBND xã, giao cho các thôn thông báo tới các hộ dân có đất ra trụ sở nhà văn hoá thôn đăng ký kê khai việc cấp GCNQSD đất bằng đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (theo mẫu), sau đó số lượng đơn được gửi đến Hội đồng xét duyệt cấp GCNQSD đất của xã. Hội đồng xét duyệt cấp GCNQSD đất tiến hành xét duyệt, niêm yết công khai danh sách được xét duyệt trong vòng 15 ngày và lập biên bản kết thúc công khai. Trong thời gian công khai danh sách, trường hợp nếu không có đơn thư, kiến nghị phản ánh gỡ được gửi đến Hội đồng xét duyệt, thì Hội đồng

xét duyệt trình hồ sơ đến UBND xã để được hoàn thiện trình UBND huyện cấp giấy CNQSD đất.

Đối với thôn B, năm 2001 tổ chức kê khai, xét duyệt cho các hộ, trong đó có hộ ông Vũ Xuân C. Tại thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất, hộ ông Vũ Xuân C kê khai, đăng ký xin cấp GCNQSD đất đối với thửa đất 152, tờ bản đồ số 3, diện tích 370m².

Tại thời điểm xét duyệt công khai đối với các thửa đất và chủ sử dụng đất trên, Hội đồng xét duyệt cấp GCNQSD đất xã K không nhận được đơn thư hay kiến nghị phản ánh gì. Sau đó Hội đồng xét duyệt đó trình hồ sơ xét duyệt đến UBND xã K để hoàn thiện thủ tục trình UBND huyện cấp GCNQSD đất cho các hộ dân. Như vậy về quy trình kê khai, đăng ký, xét duyệt và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vũ Xuân C năm 2002 đúng theo quy định của luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn tại thời điểm này.

Tại phiên tòa các đương sự trình bày:

Ông Vũ Xuân H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định di sản thừa kế do cụ L, cụ K để lại là thửa đất số 152, tờ bản đồ số 3, diện tích 370m². Ngoài ra không có di sản gì khác.

Ông Vũ Xuân C thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 152 là của cụ L, cụ K. Nhưng thửa đất này cụ L và cụ K đã cho vợ chồng ông 205m² năm 1996 nên chỉ còn 165m² là di sản thừa kế, ông đề nghị chia theo pháp luật. Ngoài ra khi còn sống cụ L, cụ K có thửa đất khác hiện nay ông H đang sinh sống nhưng ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà ông sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác. Ông không có yêu cầu gì về công sức tôn tạo duy tu đất, công chăm sóc, chi phí mai táng cho bố mẹ.

Bà Ch, anh Ch nhất trí lời trình bày của ông C.

Bà Ch xác định di sản thừa kế của cụ L, cụ K là thửa đất số 152 diện tích 370m² ngoài ra không có tài sản gì khác. Bà không có yêu cầu công chăm sóc, chi phí mai táng cho bố mẹ.

Kiểm sát viên Viện nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị H1, bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị D, chị Nguyễn Thị Ph đều có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H1, bà H, bà Nh, bà D, chị Ph là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Cụ Vũ Văn L và cụ Cấn Thị K sinh được 07 người con, gồm: bà Vũ Thị H, ông Vũ Thành Th (ông Th chết ngày 14/4/2011). Ông Th có vợ là bà Ch và có ba con là Vũ Thành Tr, Vũ

Thị Minh Th, Vũ Thành K), bà Vũ Thị D, ông Vũ Xuân H, bà Vũ Thị H, ông Vũ Xuân C, bà Vũ Thị Nh.

Khi cụ L, cụ K còn sống thì hai cụ cùng vợ chồng ông C, bà Ch đều sinh sống trên thửa đất số 152, tờ bản đồ số 3, diện tích 370m². Địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Đến năm 2011 cụ L chết, năm 2012 cụ K chết đều không để lại di chúc. Ông H cho rằng từ khi cụ L, cụ K còn sống cho đến lúc hai cụ chết thì thửa đất 152 chưa chia các con nên ông yêu cầu chia di sản thừa kế. Đồng thời ông H cho rằng Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất đã cấp giấy chứng nhận sai đối với thửa đất số 152. Ngày 27/5/2014, ông H khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của cụ L, cụ K là toàn bộ thửa đất số 152 và ngày 29 tháng 11 năm 2016 có đơn yêu cầu huỷ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 152. Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là kiện chia di sản thừa kế và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời điểm mở thừa kế 10 năm và theo quy định tại Điều 688, khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Vụ án trên được thụ lý trước thời điểm Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại phần IV mục 2 Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất được quy định tại Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là toàn bộ thửa đất số 152. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H, ông C, bà Ch, bà H, bà H1, bà D, bà Nh đều khẳng định nguồn gốc thửa đất là của cụ L và cụ K. Quá trình sử dụng đất đến ngày 09/5/2002, hộ ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm năm 2002, trên thửa đất số 152 có cụ L, cụ K, ông C, bà Ch, anh Ch, anh Q sinh sống nhưng giấy chứng nhận chỉ cấp cho hộ ông C: Theo sổ hộ khẩu thì có ông C, bà Ch, anh Ch, anh Q. Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa xác định rõ quyền tự định đoạt của chủ sử dụng đất là vi phạm Điều 2, Điều 73 Luật đất đai năm 1993.

Ông C có xuất trình giấy tặng cho đất lập ngày 06/01/1996 do cụ L, cụ K tặng cho ông C 205m² đất tại thửa số 152. Quá trình giải quyết vụ án và thu thập chứng cứ thì lời khai của các nhân chứng có chữ ký trong giấy tặng cho đất là không thống nhất, có lúc khẳng định có tham gia chứng kiến, có lúc khẳng định không tham gia chứng kiến cụ L, cụ K tặng cho đất cho ông C. Mặt khác, ông H, bà Ch không công nhận giấy tặng cho đất do ông C xuất trình tại tòa án và khẳng định chữ viết trong giấy không phải là chữ của ông Vũ Tâm, cụ L, cụ K, ông H. Bà Ch cũng xuất trình 02 mẫu chữ viết của ông Vũ Tâm (Do ông Tâm đó chết để lại). Bà Ch, ông H yêu cầu Tòa án tiến hành giám định toàn bộ chữ ký và chữ viết trong giấy tặng cho đất do ông C xuất trình với các mẫu chữ do bà Ch xuất trình và mẫu chữ ký của người có tên trong giấy. Ông H, bà Ch không cung cấp được mẫu chữ của cụ L, cụ K duy chỉ có ông C cung cấp thêm cho Tòa án mẫu chữ của cụ L tại “bản ghi chú” không đề ngày tháng năm. Tại kết luận giám định số 3710/KLGD - PC54 (Đ4) ngày 19/6/2017 của Phòng khoa học kỹ thuật hình sự -

Công an thành phố Hà Nội khẳng định chữ viết và chữ ký tại giấy tặng cho đất so với các mẫu chữ do bà Ch cung cấp là do chữ của ông Vũ Tâm viết và ký ra. Đối với các chữ ký của người làm chứng là ông Th, anh V, anh Ph so với mẫu chữ trong giấy tặng cho đất là do cùng một người ký. Đối với chữ ký của cụ L, ông H, ông C so với mẫu chữ trong giấy tặng cho đất thì không đủ cơ sở khẳng định do cùng một người ký. Do vậy không đủ cơ sở khẳng định: Vào năm 1996 cụ L, cụ K có tặng cho ông C 205m² nằm trong thửa đất số 152, tờ bản đồ số 3.

Quá trình giải quyết vụ án ông C có xuất trình “01 bản ghi chú” không đề ngày, tháng, năm, không có người làm chứng. Nội dung bản ghi chú có thể hiện cho ông C 165m² phần đất còn lại của thửa đất số 152. Bản di chúc này không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định về hình thức tại Điều 653, Điều 655 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hội đồng xét xử xác định di sản thừa kế do cụ K, cụ L để lại là 370m² đất tại thửa số 152, tờ bản đồ số 3 lập năm 2001, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T176703, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019/QSDĐ/399 QĐ-UB-H ngày 09/5/2002.

Các đương sự không đề nghị giải quyết chi phí chữa bệnh, mai táng cho cụ L, cụ K, phần tường bao đã ong đã cũ xây dựng trên đất và công duy trì di sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế:

Thời điểm mở thừa kế của cụ Vũ Văn L là ngày 02/02/2011, thời điểm mở thừa kế của cụ Cán Thị K là ngày 01/8/2012.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L, cụ K gồm: Bà H, ông Th, bà D, ông H, bà H1, ông C và bà Nh. Ông Th chết ngày 14/4/2011 nên suất của ông Th được chia cho anh Tr, chị Th, anh K, bà Ch.

[5] Đối với yêu cầu huỷ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất thửa số 152, tờ bản đồ số 3, diện tích 370m² là của cụ L, cụ K. Cụ L, cụ K sử dụng đất ổn định đến ngày 09/5/2002 Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa xác định rõ quyền tự định đoạt của chủ sử dụng đất là vi phạm Điều 2, Điều 73 Luật đất đai năm 1993. Di sản thừa kế xác định là toàn bộ thửa đất số 152. Do vậy, yêu cầu của ông H có căn cứ được chấp nhận theo Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất cấp ngày 09/5/2002 đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03 lập năm 2001, diện tích 370m² ở thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội) cho hộ ông Vũ Xuân C, sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T176703, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019/QSDĐ/399 QĐ-UB-H.

[6] Phân chia di sản thừa kế

Di sản của cụ L và cụ K được chia cho 07 người, gồm: Bà H, ông Th (Những người được hưởng suất của ông Th là bà Ch, anh K, anh Tr và chị Th), bà D, bà H1, ông H, ông C và bà Nh, mỗi người được hưởng 52,8 m² đất.

Bà H, bà Nh yêu cầu phần được chia thừa kế, các bà sẽ cho ông C suất của bà được hưởng. Ông C đồng ý nhận di sản do bà H, bà Nh cho.

Bà D yêu cầu phần được chia thừa kế, bà sẽ cho ông C 2/3 và ông H 1/3 suất của bà được hưởng. Ông C, ông H đều đồng ý nhận di sản do bà D cho.

Bà H1 yêu cầu phần được chia di sản thừa kế, bà đề nghị chia đều cho 6 người con của cụ L, cụ K. Ông C, ông H, bà Ch đều đồng ý nhận tài sản do bà H1 cho.

Xét yêu cầu của bà H, bà H1, bà D, bà Nh là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự có căn cứ được chấp nhận.

Trên thửa đất số 152, vợ chồng ông C đã xây một nhà mới bằng và các công trình phụ về phía giáp mặt đường làng để sinh sống nhiều năm nay. Do vậy, giao cho ông C quản lý sử dụng phần đất đó xây dựng phù hợp với diện tích được chia.

Yêu cầu của các con của ông Th, bà Ch và ông H được chia di sản bằng đất để làm nhà thờ cúng tổ tiên. Vì vậy chia cho ông H và các con bà Ch phần đất ở vị trí trước đây cụ L và cụ K làm 05 gian nhà cấp 4 giáp đường ngõ phía trong. Trên phần đất giao cho ông H, có một gian nhà kho xây giáp đốc nhà mái bằng, do vợ chồng ông C làm năm 2014, tường xây bằng đá ong cũ, khung tre, mái lợp ngói sông cầu cũ, đây là loại nhà tạm, giá trị sử dụng thấp, nên ông C và bà Ch tự tháo dỡ để trả lại đất cho ông H. Vì vậy chia cho ông H, bà Ch, ông C phần đất như sau:

Di sản chia theo pháp luật là 370m^2 đất ở $\times 1.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 555.000.000\text{đ}$ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Ông H được hưởng $52,8\text{m}^2 + 17,6\text{m}^2 (= 1/3$ suất của bà D) $+ 8,8\text{m}^2 (= 1/6$ suất của bà H1) $+ 1/3$ suất bà H1 cho bà D $2,93 = 82,1\text{m}^2$ (làm tròn diện tích được chia $82,2\text{m}^2$)

Ông C được hưởng $52,8\text{m}^2 + 35,2\text{m}^2 (= 2/3$ suất của bà D) $+ 8,8\text{m}^2 (= 1/6$ suất của bà H1) $+ 52,8\text{m}^2$ (1 suất của bà H) $+ 52,8\text{m}^2$ (1 suất của bà Nh) $+ 1/3$ suất bà H1 cho bà H $8,8\text{m}^2$, bà Nh $8,8\text{m}^2$, $2/3$ suất của bà H1 cho bà D là $5,86 = 225,86\text{m}^2$ (làm tròn diện tích được chia $225,6\text{m}^2$).

Bà Ch, chị Th, anh Tr, anh K được hưởng $52,8\text{m}^2 + 8,8\text{m}^2 (= 1/6$ suất của bà H1) $= 61,6\text{m}^2$ (làm tròn diện tích được chia $62,2\text{m}^2$)

[7] Chi phí tố tụng

Về phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Nguyên đơn ông Vũ Xuân H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá. Xét yêu cầu của ông H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí giám định: Ông H đã nộp 2.500.000đ và bà Ch đã nộp 5.000.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định. Do yêu cầu của ông H, bà Ch được chấp nhận nên ông C phải chịu chi phí giám định. Ông C trả lại chi phí giám định cho bà Ch 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ông H 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[8] Về án phí:

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thương vụ Quốc hội đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần họ được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 34, 39, 147, 161, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 635, 645, 653, 654, 675, 676, 677, 685 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 1 Điều 623, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 2, 73 Luật đất đai năm 1993.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thương vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân H về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn L và cụ Cấn Thị K là 370m² tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 3 lập năm 2001 tại thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội có tổng giá trị 555.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Công nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị D cho ông H 1/3 suất thừa kế được hưởng và 1/3 suất của bà H1 cho, bà Vũ Thị H1 cho ông H 1/6 phần suất thừa kế được hưởng. Do vậy, ông H được hưởng: 82,2m². Có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp với đường ngõ có chiều rộng 02 đoạn 3,62m và 2,25m.

Phía Tây giáp với thửa số 151 có chiều rộng 5,24m

Phía Nam giáp với thửa đất của bà Ch, chị Th, anh K, anh Tr có chiều dài 14,51m.

Phía Bắc giáp với thửa đất của ông C có chiều dài 15,11m.

Công nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Nh cho toàn bộ suất thừa kế và được hưởng 1/6 suất của bà H cho ông C, bà Vũ Thị D cho ông C 2/3 phần suất thừa kế và được hưởng 1/6 suất của bà H, bà Vũ Thị H cho ông C 1/6 của 1 suất thừa kế được hưởng. Do vậy, ông C được hưởng được hưởng 225,6 m². Có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp với đường ngõ có chiều rộng 15,05m.

Phía Tây giáp với thửa đất 151 có chiều rộng 13,60m.

Phía Nam giáp với đất của ông H có chiều dài 15,11m.

Phía Bắc giáp với đường cái xóm có chiều dài 16,64m.

Công nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị H1 cho hàng thừa kế của ông Th gồm: bà Ch, anh K, chị Th, anh Ch 1/6 của 1 suất thừa kế được hưởng. Do vậy, bà Ch, anh K, anh Tr, chị Th được hưởng: 62,2m². Có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp với đường ngõ có chiều rộng 4,3m.

Phía Tây giáp với thửa đất 151 có chiều rộng 4,23m.

Phía Nam có một phần giáp với đường ngõ có chiều dài 10,06m và 1 phần giáp với thửa đất số 179 có chiều dài 4m.

Phía Bắc giáp với thửa đất của ông H có chiều dài 14,51m.

(Có sơ đồ hiện trạng đất kèm theo)

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất cấp ngày 09/5/2002 đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 03 lập năm 2001, diện tích 370m² ở thôn B, xã K, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội) cho hộ ông Vũ Xuân C, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T176703, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019/QSDĐ/399 QĐ-UB-H.

Về chi phí giám định: Ông Vũ Xuân C phải trả các chi phí giám định cho ông H là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), bà Ch là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Về án phí: Ông Vũ Xuân H phải chịu phải 6.157.000đ (Sáu triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đó nộp là 5.550.000đ (Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số 07970 ngày 09/5/2016. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền 607.000đ (Sáu trăm linh bảy nghìn đồng).

Ông Vũ Xuân C phải chịu 16.939.000đ (Mười sáu triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Cấn Thị Ch, anh Vũ Thành Tr, anh Vũ Thành K, chị Vũ Thị Minh Th mỗi người phải chịu 1.155.000đ (Một triệu một trăm năm mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Thị Ninh

